TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH H** _____ Số: 74/2020/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** _____ *V X, ngày 27 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 29/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa: Chị **Lý Thị H**, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số nhà 93, đường Lý Tự Trọng, tổ 11, phường Minh K, thành phố H, tỉnh Hvà anh **Bùi Văn B**, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà, xã Ngọc L, huyện V, tỉnh H

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án";

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Lý Thị H**, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số nhà 93, đường Lý Tự Trọng, tổ 11, phường Minh K, thành phố H, tỉnh Hvà anh **Bùi Văn B**, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà, xã Ngọc L, huyện V, tỉnh H

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị H và anh Bùi Văn B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Huyền và anh Bộ có một con chung: Cháu Bùi Hương G - Sinh ngày: 25-9-2014. Chị Lý Thị H và anh Bùi Văn B thỏa thuận nhất trí giao cháu Bùi Hương G cho chị Lý Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu G cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Bùi Văn B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Hương G - Sinh ngày: 25-9-2014 với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày 17-7-2020 cho đến khi cháu G trưởng thành đủ 18 tuổi và có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

Chị Lý Thị H - Địa chỉ: Số nhà 93, đường Lý Tự Trọng, tổ 11, phường Minh K, thành phố H, tỉnh H là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị Lý Thị H và anh Bùi Văn B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lý Thị H và anh Bùi Văn B thỏa thuận nhất trí để chị Lý Thị H chịu 150.000đ án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ được khấu trừ vào số tiền 300.000đ theo biên lai số 02236 nộp ngày 02-3-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H. Chị H đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Lâm Anh Luyện

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- TAND tỉnh;
- UBND xã Ngọc L, huyện V, Tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án.